

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ X
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 19/3/2021
“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình, ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Vĩnh Thành;
2. Bà Trần Thị Ánh Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Đại Nam Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 321/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2020 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Huỳnh Tấn H, sinh năm 1974, địa chỉ nơi cư trú: Tổ 7, ấp AM, xã VC, thành phố X, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1977, địa chỉ nơi cư trú: Tổ 7, ấp AM, xã VC, thành phố X, tỉnh An Giang.

Ông H có mặt, bà H vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Huỳnh Tấn H trình bày: Ông H, bà H do mai mối nên đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã KH, huyện Cp, tỉnh An Giang. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bà H cờ bạc, gây nợ nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, ông H đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng bà H vẫn không thay đổi. Đến tháng 10/2018, ông H đã dọn ra khỏi

nhà nên vợ chồng không còn sống chung cho đến nay. Tình cảm không còn, ông H yêu cầu ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông H và bà H có 01 con chung tên Huỳnh Tân Ti, sinh ngày 16/01/2009; ông H giao con cho bà H nuôi dạy và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà H nhưng bà H từ chối nhận văn bản, không cung cấp lời khai và không đến Tòa án nên vụ án không thể tiến hành hòa giải được.

* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xác định ngoài những tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án, không có tài liệu, chứng cứ để cung cấp bổ sung.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Ông H và bà H có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Quá trình chung sống, ông H, bà H thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã, nguyên nhân do bà H nợ nần. Từ tháng 10/2018 đến nay, vợ chồng đã không còn sống chung, suốt thời gian đó vẫn không thể hàn gắn được, mặc dù Tòa án triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng bà H từ chối nhận, thể hiện bà H không có thiện chí hàn gắn tình cảm. Từ đó cho thấy, tình trạng hôn nhân của ông H, bà H đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông H yêu cầu ly hôn với bà H là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Tân Ti sinh ngày 16/01/2009 hiện do bà H chăm sóc, đồng thời ông H đồng ý để bà H tiếp tục nuôi con dạy. Do đó, để ổn định tâm lý cho cháu Ti nên để bà H tiếp tục nuôi dạy cháu Ti là phù hợp quy định pháp luật và nguyện vọng của con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Mặc dù Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà H nhưng căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình: cha mẹ không nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên, buộc ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận; nợ chung: không có, không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Ông Huỳnh Tấn H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Lê Thị H. Đồng thời, bà H cư trú trên địa bàn thành phố X. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Lê Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không vì sự bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Tín theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Tấn H và bà Lê Thị H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã KH, huyện Cp, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 253/2011 quyền số 02/2011 ngày 09/9/2011 là hôn nhân hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Tòa án tiến hành xác minh nguyên nhân mâu thuẫn của ông H, bà H và được đại diện Văn phòng áp AM, xã VC, thành phố cho biết ông H, bà H thường xuyên cãi nhau do thiếu nợ và vợ chồng đã không còn sống chung cho đến nay.

Theo quy định tại Điều 19, Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau....*” Thế nhưng ông H, bà H đã không còn sống chung với nhau từ tháng 10/2018 cho đến nay, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm, chăm sóc ai.

Từ những căn cứ nêu trên, thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng ông H, bà H là có thật, mặc dù bà H biết việc ông H khởi kiện yêu cầu ly hôn nhưng bà H từ chối nhận các văn bản tố tụng và không đến Tòa án để hòa giải cho thấy bà H không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, mâu thuẫn giữa ông H với bà H đã trầm trọng, có kéo dài quan hệ hôn nhân thì mục đích hôn nhân cũng không đạt. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H về việc ly hôn với bà H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] *Xét về con chung:* Ông H và bà H thống nhất có 01 con chung tên Huỳnh Tân Ti, sinh ngày 16/01/2009. Từ khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và không còn sống chung thì cháu Ti do bà H nuôi dạy và cháu Ti có nguyện vọng được sống cùng với bà H. Do đó, để ổn định tâm lý và môi trường sống của cháu Ti, Hội đồng xét xử giao cháu Huỳnh Tân Ti, sinh ngày 16/01/2009 cho bà Lê Thị H tiếp tục nuôi dạy cho đến tuổi trưởng thành.

[2.3] *Xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:*

Quá trình giải quyết vụ án, bà H không cung cấp lời khai, trình bày ý kiến về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, cha mẹ sau khi ly hôn vẫn phải có quyền và nghĩa vụ đối với con chung chưa thành niên, người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, mặc dù chưa chứng minh được khả năng thu nhập thực tế của ông H nhưng để đảm bảo cho những nhu cầu thiết yếu của con chung thì mức cấp dưỡng tối thiểu không quá $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử, mức lương cơ sở hiện nay là 1.490.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định buộc ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Ti mỗi tháng 745.000 đồng cho đến khi cháu Ti trưởng thành. Thời gian cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 4/2021.

[2.4] *Xét về tài sản chung và nợ chung:* Ông H khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] *Xét về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:*

Tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: “*Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn*”. Do đó, ông H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 116 và Điều 117 Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Tấn H.

[1] Về hôn nhân: Ông Huỳnh Tấn H được ly hôn với bà Lê Thị H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 253/2011 ngày 09/9/2011 của Ủy ban nhân dân xã KH, huyện Cp, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

[2] Về con chung:

Bà Lê Thị H được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Huỳnh Tân Ti, sinh ngày 16/01/2009 cho đến khi trưởng thành.

Buộc ông Huỳnh Tấn H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung Huỳnh Tân Ti, sinh ngày 16/01/2009, số tiền cấp dưỡng mỗi tháng 745.000 (*bảy trăm bốn mươi lăm nghìn*) đồng cho đến khi Huỳnh Tân Ti đến tuổi trưởng thành.

Thời gian cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 4/2021.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bà Lê Thị H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Huỳnh Tấn H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Ông Huỳnh Tấn H phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai số 0004156 ngày 15 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X; Ông Huỳnh Tấn H còn phải nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo:

Ông Huỳnh Tấn H có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Lê Thị H vắng mặt tại phiên tòa nên thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát TPCĐ (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Đức